

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Nguyễn Thị N** - sinh năm: 1975

Chứng minh thư nhân dân số 012677824 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2012.

Anh **Đỗ S** – sinh năm: 1974

Căn cước công dân số 001074017480 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/01/2018.

Cùng ĐKKHKT và cư trú tại: Số 87, tổ 12 phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đỗ S** và chị **Nguyễn Thị N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội ngày 12/02/2001, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh S và chị N đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể khắc phục được, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh S và chị N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế anh S và chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà. Việc thuận tình ly hôn giữa anh S và chị N là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh **Đỗ S** và chị **Nguyễn Thị N** xác nhận có 02 con chung là cháu **Đỗ Hải P** (nam), sinh ngày: 03/11/2003; cháu **Đỗ Minh C** (nữ), sinh ngày 23/5/2008 (tên trước đây là **Đỗ Lâm N**). Anh **Đỗ S** và chị **Nguyễn Thị N** thỏa thuận, sau ly hôn, chị **Nguyễn Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu C đến khi con

chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Anh S và chị N thống nhất tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét ghi nhận. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh S và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh Đỗ S và chị Nguyễn Thị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Đỗ S và chị Nguyễn Thị N xác nhận không có khoản vay nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đỗ S và chị Nguyễn Thị N thống nhất thỏa thuận để chị N chịu toàn bộ lệ phí theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, tài sản khi ly hôn ngày 30/5/2019 của Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ S và chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Đỗ Hải P (nam), sinh ngày: 03/11/2003; cháu Đỗ Minh C (nữ), sinh ngày 23/5/2008 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Về cấp dưỡng nuôi con anh S và chị N tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa ghi nhận nên không xem xét giải quyết.

Anh Đỗ S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Đỗ S và chị Nguyễn Thị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về nợ chung: Anh Đỗ S và chị Nguyễn Thị N xác nhận không có khoản vay nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2015/0007067 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Hương